

Bản án số: 1220/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 8 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hữu Minh A, sinh năm X. Địa chỉ: Số A đường L, phường P, quận T, Thành phố H. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm Y. Địa chỉ: Số B đường L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hữu Minh A trình bày:

Bà và ông Hoàng Ngọc T tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số F, quyền số R ngày H/J/K. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó tháng 8/2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên cả hai đã sống ly thân. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn và quay về sống chung để giải quyết mâu thuẫn

nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Ngọc T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Minh P, sinh ngày D/F/G. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Hoàng Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Hoàng Ngọc T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Hữu Minh A yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Ngọc T nên quan hệ giải quyết trong vụ án là tranh chấp ly hôn, ông Hoàng Ngọc T hiện đang cư ngụ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh .

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Hoàng Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Ngọc T.

[3]. *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số F, quyển số R do Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố H cấp ngày H/J/K.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà Nguyễn Hữu Minh A trình bày giữa bà và ông Hoàng Ngọc T bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Bà và ông Hoàng Ngọc T đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông Hoàng Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông Hoàng Ngọc T vẫn không có mặt thể hiện ông Hoàng Ngọc T không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiên đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hữu Minh A.

Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T xác nhận: bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T không còn chung sống với nhau tại số nhà B đường L, Phường D, quận G.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Hữu Minh A và ông Hoàng Ngọc T là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hữu Minh A theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Minh P, sinh ngày D/F/G. Hiện nay bà Nguyễn Hữu Minh A đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và bà Nguyễn Hữu Minh A yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Hoàng Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào Bản tự khai ngày 11/5/2022 của trẻ Hoàng Ngọc Minh P thể hiện trẻ có nguyện vọng được sống với mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, đảm bảo sự ổn định, sự phát triển tốt về tinh thần cho trẻ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hữu Minh A, giao cho bà Nguyễn Hữu Minh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hoàng Ngọc T cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Hữu Minh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hữu Minh A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí, lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hữu Minh A được ly hôn với ông Hoàng Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số F , quyền số R, do Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố H cấp ngày H/J/K không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Hoàng Ngọc Minh P, sinh ngày D/F/G cho bà Nguyễn Hữu Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hoàng Ngọc T cho đến khi có yêu cầu.

Ông Hoàng Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hữu Minh A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hữu Minh A phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Hữu Minh A đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0047678 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H . Bà Nguyễn Hữu Minh A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Hữu Minh A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Ngọc T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường D, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan